

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**KỲ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 2/6 - NGÀY 30/7/2023**

**Phòng thi: 04**

| STT | SBD   | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Ghi chú |
|-----|-------|----------------------|------------|------------|-----------|---------|---------|
| 1   | A2001 | Trương Thị Ai        | 04/03/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 2   | A2002 | Nguyễn Thị Ánh       | 15/10/1983 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 3   | A2003 | Võ Thành Ân          | 30/07/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 4   | A2004 | Nguyễn Thị Bảnh      | 19/05/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 5   | A2005 | Châu Văn Thái Bảo    | 26/06/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 6   | A2006 | Nguyễn Thị Bích      | 23/12/1988 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 7   | A2007 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 09/08/1976 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 8   | A2008 | Hồ Thị Sơn Ca        | 15/01/1985 | Quảng Ngãi | Nữ        | Co      | Thi lại |
| 9   | A2009 | Huỳnh Tấn Cẩm        | 04/06/1972 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 10  | A2010 | Đỗ Thị Minh Cúc      | 20/06/1976 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 11  | A2011 | Đặng Minh Cường      | 20/02/1988 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 12  | A2012 | Lương Xuân Cường     | 18/09/1992 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 13  | A2013 | Phạm Thị Châm        | 15/11/2001 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    |         |
| 14  | A2014 | Huỳnh Ngọc Chiến     | 01/11/2001 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 15  | A2015 | Nguyễn Ngọc Danh     | 10/10/1998 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 16  | A2016 | Đặng Bích Dung       | 22/01/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 17  | A2017 | Nguyễn Thị Dung      | 04/03/1970 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 18  | A2018 | Nguyễn Hữu Duy       | 14/07/1999 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 19  | A2019 | Phạm Thị Hồng Duyên  | 28/02/1999 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 20  | A2020 | Hoàng Thị Thùy Dương | 20/04/1988 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 21  | A2021 | Nguyễn Thế Đại       | 25/11/2001 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 22  | A2022 | Huỳnh Thị Chiêu Đan  | 14/11/1976 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 23  | A2023 | Phạm Thị Đưa         | 10/10/1972 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 24  | A2024 | Huỳnh Thị Thu Hà     | 12/05/1970 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 25  | A2025 | Lâm Thị Hà           | 20/06/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 26  | A2026 | Phạm Thị Hạnh        | 22/280     | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | Thi lại |
| 27  | A2027 | Võ Thị Ngọc Hạnh     | 10/10/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 28  | A2028 | Dương Thị Lệ Hiền    | 01/08/1997 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 29  | A2029 | Đỗ Thị Thu Hiền      | 02/02/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 30  | A2030 | Phạm Thị Mỹ Hòa      | 04/11/1997 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 31  | A2031 | Võ Đức Hòa           | 01/05/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |

Danh sách này có: 31 thí sinh.

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG  
**TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**KỲ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 2/6 - NGÀY 30/7/2023**

**Phòng thi: 05**

| STT | SBD   | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Ghi chú |
|-----|-------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|---------|---------|
| 1   | A2032 | Lưu Thị Cẩm     | Huyền  | 06/12/1993 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 2   | A2033 | Nguyễn Thị Thúy | Hương  | 10/10/1984 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 3   | A2034 | Võ Thúy Diễm    | Hương  | 06/10/2001 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 4   | A2035 | Ngô Thị Hồng    | Kha    | 12/02/1988 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 5   | A2036 | Bùi Nhị         | Khang  | 09/08/2000 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 6   | A2037 | Phạm Văn        | Khót   | 08/02/2001 | Quảng Ngãi | Nam       | H're    | Thi lại |
| 7   | A2038 | Đinh Thị        | Lan    | 15/07/1991 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | Thi lại |
| 8   | A2039 | Nguyễn Thị      | Lê     | 10/06/1970 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 9   | A2040 | Nguyễn Thị Ái   | Lê     | 20/10/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 10  | A2041 | Nguyễn Văn      | Lợi    | 21/06/1999 | Nghệ An    | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 11  | A2042 | Hồ Thanh        | Luân   | 05/10/2000 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 12  | A2043 | Võ Trương Quỳnh | Mai    | 21/09/2001 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 13  | A2044 | Phạm Thị        | Minh   | 20/10/1977 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | Thi lại |
| 14  | A2045 | Trần Thị Phương | Minh   | 04/07/1993 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 15  | A2046 | Hồ Tấn          | Nam    | 30/05/1975 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 16  | A2047 | Hồ Thị Thu      | Nga    | 28/08/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Co      | Thi lại |
| 17  | A2048 | Vy Thị Trinh    | Ngân   | 23/03/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 18  | A2049 | Nguyễn          | Nhật   | 06/08/1969 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 19  | A2050 | Nguyễn Thị      | Nhị    | 10/03/1985 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 20  | A2051 | Tạ Quỳnh        | Như    | 25/12/2003 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 21  | A2052 | Đinh Thị        | Oách   | 10/11/1978 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    |         |
| 22  | A2053 | Phạm Thị Kim    | Phước  | 19/07/1983 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | Thi lại |
| 23  | A2054 | Nguyễn Thị Loan | Phương | 21/04/1972 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 24  | A2055 | Phan Thị Xuân   | Phương | 28/10/1997 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 25  | A2056 | Trần Duy        | Phương | 27/08/2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 26  | A2057 | Hồ Thị          | Phượng | 02/01/1990 | Quảng Ngãi | Nữ        | Co      | Thi lại |
| 27  | A2058 | Nguyễn Thị      | Phượng | 02/03/1970 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 28  | A2059 | Võ Trung        | Quang  | 02/03/1989 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 29  | A2060 | Võ Minh         | Quốc   | 23/07/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 30  | A2061 | Vương Thị Ngọc  | Quý    | 09/12/1990 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 31  | A2062 | Ngô Thị Như     | Quỳnh  | 23/05/2001 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |

*Danh sách này có: 31 thí sinh.*

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG  
**TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**KỲ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 2/6 - NGÀY 30/7/2023**

**Phòng thi: 06**

| STT | SBD   | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------|--------|------------|------------|-----------|---------|---------|
| 1   | A2063 | Phạm Dạ            | Quỳnh  | 04/11/2000 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 2   | A2064 | Nguyễn Văn         | Sang   | 09/02/2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 3   | A2065 | Huỳnh Thị Thu      | Sương  | 16/11/1990 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 4   | A2066 | Lê Thị Thu         | Sương  | 09/07/1998 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 5   | A2067 | Nguyễn Thị Lệ      | Tâm    | 15/12/1989 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 6   | A2068 | Trần Thị Thanh     | Tâm    | 12/03/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 7   | A2069 | Trương Thị Mỹ      | Tâm    | 14/01/2000 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 8   | A2070 | Hồ Thị Cẩm         | Tiên   | 17/01/1991 | Quảng Ngãi | Nữ        | Co      | Thi lại |
| 9   | A2071 | Đinh Mai Thanh     | Tín    | 23/05/2001 | Quảng Ngãi | Nam       | H're    |         |
| 10  | A2072 | Nguyễn Đình        | Tín    | 20/06/2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 11  | A2073 | Vô Mạnh            | Toàn   | 05/01/2000 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 12  | A2074 | Lương Văn          | Tứ     | 14/01/1997 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 13  | A2075 | Đinh Thị Kim       | Thanh  | 07/04/1982 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 14  | A2076 | Đoàn Văn           | Thắm   | 26/06/1987 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | Thi lại |
| 15  | A2077 | Dương Thị Kim      | Thoa   | 19/05/1971 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 16  | A2078 | Lê Tuấn Anh        | Thom   | 06/09/1999 | Quảng Ngãi | Nam       | H're    |         |
| 17  | A2079 | Mai Thị Bích       | Thuận  | 20/02/1972 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 18  | A2080 | Phạm Thị Lê        | Thủy   | 14/04/1973 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 19  | A2081 | Nguyễn Thị Thu     | Thúy   | 12/02/1994 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 20  | A2082 | Đinh Thị           | Thức   | 12/04/1989 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | Thi lại |
| 21  | A2083 | Lê Thị Hoài        | Thương | 12/07/2001 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 22  | A2084 | Huỳnh Thị          | Trâm   | 20/08/1982 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |         |
| 23  | A2085 | Phạm Thị Kim       | Truyền | 07/03/1970 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 24  | A2086 | Phạm Văn           | Trường | 29/01/2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 25  | A2087 | Trần Hòa           | Vang   | 01/05/2004 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 26  | A2088 | Trần Thạch Thị Hải | Vân    | 20/10/1976 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 27  | A2089 | Phạm Thị Thu       | Viên   | 02/06/1990 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |
| 28  | A2090 | Nguyễn Viết Thiên  | Vinh   | 01/06/2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 29  | A2091 | Nguyễn Gia         | Vương  | 23/10/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |         |
| 30  | A2092 | Hồ Thị             | Xuân   | 07/06/1987 | Quảng Ngãi | Nữ        | Co      | Thi lại |
| 31  | A2093 | Phan Thị Thanh     | Xuân   | 21/10/1970 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | Thi lại |

*Danh sách này có: 31 thí sinh.*